TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 407/2025/DS-PT
Ngày 19 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng gia công và Hợp đồng xây dựng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Cao Khánh

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phái, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 19/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 284/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng gia công và Hợp đồng xây dựng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2025/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 320/2025/QĐ-PT ngày 14/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh S (D), sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm C, phường L, tỉnh Cà Mau (địa chỉ cũ: phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N, sinh ngày 06/02/1975, (có mặt).

CCCD 096075009006, cấp ngày 17/11/2023, nơi cấp: Bộ C

Địa chỉ: Số H L, phường L, tỉnh Cà Mau (địa chỉ cũ: Khóm H, Phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau).

2. Bị đơn: Bà Trần Kim M, sinh ngày 02/01/1964, (có mặt)

CCCD 096164000427, cấp ngày 12/01/2024, nơi cấp: Bộ C

Địa chỉ: Khóm A, xã C, tỉnh Cà Mau (địa chỉ cũ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Kim M: Ông Trương Hữu T, sinh ngày 18/7/1980, (có mặt).

CCCD 095080003608, cấp ngày 02/7/2021, nơi cấp: Bộ C

Địa chỉ: khóm T, phường L, tỉnh Cà Mau (địa chỉ cũ: ấp T, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971, CCCD 095071000713, cấp ngày 26/4/2021, nơi cấp: Bộ C, (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, phường L, tỉnh Cà Mau (địa chỉ cũ: ấp N, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1977 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/11/2020, bản tự khai và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 08/8/2019 ông Nguyễn Thanh S (tên thường gọi là Nguyễn Thanh D) với bà Trần Kim M có ký hợp đồng số 01 về việc xây dựng gia công nhà tiền chế. Nội dung của hợp đồng là bên A (bà Trần Kim M) giao cho bên B (ông Nguyễn Thanh S) thi công xây dựng công việc gồm: Thi công xây dựng số tiền 599.040.000 đồng; chiết tính nhà tiền chế số tiền 741.869.000 đồng; chiết tính gác số tiền 466.686.000 đồng; chiết tính ép cọc BT số tiền 259.200.000 đồng. Tổng giá trị số tiền 2.066.795.000 đồng.

Hình thức thanh quyết toán: Sau khi ký hợp đồng bên bà M thanh toán trước 500.000.000 đồng, bên ông S giao sắt nhà tiền chế bên bà M tạm ứng 300.000.000 đồng, ông S thi công nhà tiền chế và lợp tol bà M thanh toán tiếp 500.000.000 đồng, ông S thi công lót gạch nền xong thì bên bà M thanh toán tiếp số tiền 100.000.000 đồng, ông S thi công lót, xây phòng ngủ và tolet xong thì bên bà M thanh toán tiếp 100.000.000 đồng và phần còn lại khi giao nhà bên bà M thanh toán đủ 66.795.000 đồng, nếu có phát sinh hai bên thống nhất phương án thi công và báo giá lại cho bà M. Trong quá trình thi công, ông S đã thực hiện đúng tiến độ, vật tư và kết cấu hạ tầng, phía bà M không có ý kiến gì về việc xây dựng của ông S.

Ngày 14/02/2020, ông S và bà M lập bản xác nhận công nợ có nội dung: Thi công theo hợp đồng số tiền là 2.066.795.000 đồng, tiền phát sinh thêm là 484.895.000 đồng. Tổng cộng là 2.551.690.200 đồng, bà M đã thanh toán tổng số tiền là 2.200.000.000 đồng, còn lại số tiền là 351.690.200 đồng, sau khi đã trừ số tiền ông S còn thiếu là 28.150.000 đồng thì bà M còn nợ ông S số tiền 323.540.200 đồng, bà M đã ký xác nhận công nợ và hẹn là 10 ngày sau sẽ thanh toán đủ. Tuy nhiên, cho đến nay bà M chưa có thanh toán số tiền nợ cho ông S. Nay ông S khởi kiện yêu cầu bà M trả cho ông số tiền còn nợ vốn là 323.540.200 đồng và lãi theo pháp luật quy định từ ngày 24/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn

Thanh S xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện để xác định lại người khởi kiện cho phù hợp thực tế.

Theo đơn khởi kiện ngày 14/02/2022, bà Trần Kim M trình bày: Ngày 08/8/2019 bà có ký hợp đồng xây dựng với ông Nguyễn Văn Đ (khi ký thì ông Nguyễn Văn Đ tự xưng là giám đốc Công ty TNHH MTV P có trụ sở ấp L - 5 đường L, Khóm B, Phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau). Tuy nhiên, khi ký hợp đồng ông Đ không ghi tên Nguyễn Văn Đ mà ký và ghi tên Nguyễn Thanh D, do tin tưởng nên bà không xem lại. Tổng giá trị hợp đồng khi ký là 2.066.795.000 đồng. Sau khi thi công xong nhà bà đã trả cho ông Đ tổng số tiền 2.450.000.000 đồng nhưng đến nay nhà chưa được hai bên nghiệm thu. Số tiền bà đã thanh toán cho ông Đ thừa so với hợp đồng là 383.205.000 đồng, bà đã nhiều lần đến gặp ông Đ để làm biên bản nghiệm thu công trình và quyết toán nhưng không gặp được, ông Đ có đến nhà bà 01 lần lúc đó nền nhà của bà bị lún, bà yêu cầu ông Đ khắc phục nhưng ông Đ không khắc phục, ông Đ cho rằng thợ thi công kém chất lượng, mái nhà ông Đ lợp khi trời mưa bị dột nước, bà kêu ông Đ khắc phục thì ông Đ cho rằng do nước sơn kém chất lượng nên tường bị thấm nước. Khi bên đại diện nước sơn đến thì ông Đ đổ lỗi do bên thợ hồ thi công, bà tiếp tục yêu cầu ông Đ khắc phục nhưng ông Đ không khắc phục. Đến ngày 15/12/2020 bà đến nhà ông Đ yêu cầu ông Đ làm biên bản nghiệm thu, làm bản hoàn công, ông Đ hẹn ngày 16/12/2020 sẽ đến nhà bà nhưng ông Đ không đến, sau đó bà đến nhà ông Đ thì gặp vợ ông Đ nói ông Đ đang đi kiện bà, bà xác định ông Đ đã nhận số tiền của bà nhiều hơn khối lượng công việc đã thi công, bà yêu cầu ông Đ trả lại số tiền đã nhận thừa thì ông Đ lấy cây đánh bà nên bà bỏ chạy. Sau đó bà làm đơn kiện ông Đ đến Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, Tòa án đã thụ lý vụ án nhưng bà rút đơn khởi kiện do không cung cấp được địa chỉ của bị đơn. Nay bà yêu cầu phải có ông Đ đến Tòa án để đối chất với bà để làm rõ khoản công nợ, nếu bà còn thiếu tiền của ông Đ thì bà sẽ trả cho ông Đ, nếu ông Đ nhận thừa tiền thi công của bà thì ông Đ có trách nhiệm trả lại cho bà. Ngoài ra, bà yêu cầu ông Đ đến công trình xây dựng kiểm tra nếu chỗ nào chưa đạt chất lượng thì khắc phục lại cho hoàn chỉnh để làm biên bản nghiệm thu công trình.

Bà xác định ông Nguyễn Thanh S là nguyên đơn đang khởi kiện bà với ông Nguyễn Văn Đ không phải là cùng một người và bà chỉ có giao kết hợp đồng xây dựng với ông Nguyễn Văn Đ chứ không hợp đồng xây dựng với ông Nguyễn Thanh S. Do đó bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh S. Bà xác định đã trả tiền thừa cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 383.205.000 đồng. Tại phiên tòa bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu và rút lại yêu cầu đối với số tiền 230.000.000 đồng, bà chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà số tiền tạm ứng thừa so với hợp đồng xây dựng là 183.205.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông là người trực tiếp ký hợp đồng với bà M do ông S bị bệnh nên không thực hiện được. Do trong quá trình thực hiệp hợp đồng có phát sinh một số hạng mục, tiền phát sinh thêm 484.895.000 đồng. Tổng cộng vừa tiền thực hiện theo hợp đồng và tiền phát sinh

thêm là 2.551.690.200 đồng, bà M đã thanh toán tổng số tiền là 2.200.000.000 đồng, còn lại số tiền là 351.690.200 đồng, sau khi đã trừ số tiền ông S thiếu bà M 28.150.000 đồng thì bà M còn nợ ông tổng số tiền 323.540.200 đồng, do đó ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà M đối với ông.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2025/DS-ST ngày 06/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

1. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh S đối với bà Trần Kim M về việc yêu cầu bà Trần Kim M trả cho ông Nguyễn Thanh S số tiền 323.540.200 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi nghìn hai trăm đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu bà Trần Kim M đối với ông Nguyễn Thanh S về yêu cầu tuyên bố hợp đồng kinh tế số 01 ngày 08/8/2019 vô hiệu.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim M đối với ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho bà Trần Kim M số tiền tạm ứng vượt quá giá trị hợp đồng là 183.205.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu, hai trăm lẻ năm nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 20/6/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bà M giao trả số tiền 220.000.000 đồng và lãi chậm trả theo quy định pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của ông S rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Ngày 20/6/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng, không chấp nhận yêu cầu của bà M, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, buộc bà M giao trả số tiền 220.000.000 đồng và lãi chậm trả theo quy định pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm ông Đ vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Phát biểu tranh luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm phần thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Do người đại diện theo uỷ quyền của ông S rút toàn bộ kháng cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông S, không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2025/DS-ST ngày 06/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, án phí phúc thẩm ông S, ông Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh S vắng mặt nhưng có người đại diện theo uỷ quyền, bị đơn bà M có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[1.2] Về nội dung và hình thức của đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh S, tại phiên toà phúc thẩm ông N là người đại diện theo uỷ quyền của ông S rút toàn bộ kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút kháng cáo của ông N là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông S.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu bà M giao trả cho ông S số tiền 220.000.000 đồng cho ông S, không đồng ý giao trả số tiền 183.205.000 cho bà M. Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng số 01 lập ngày 08/8/2019 thể hiện tổng khối lượng công việc thực hiện có tổng giá trị 2.066.795.000 đồng, trong quá trình tố tụng các bên đương sự xác định Hợp đồng kinh tế số 01 về việc xây dựng gia công nhà tiền chế ký ngày 08/8/2019 do ông Đ và bà M ký kết và ông Đ là người trực tiếp thực hiện hợp đồng và nhận tiền của bà M, đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo ông Đ xác định trong quá trình thực hiện ông có nhận của bà M số tiền 2.250.000.000 đồng. Như vậy, theo hợp đồng số 01 ký ngày 08/8/2019 thì ông Đ đã nhận nhiều hơn số tiền 183.205.000 đồng, cấp sơ thẩm buộc ông Đ có trách nhiệm giao trả lại cho bà M là có căn cứ.

Xét yêu cầu của ông Đ yêu cầu bà M giao trả phần chi phí khi thực hiện hợp đồng có phát sinh một số hạng mục, tổng số tiền phát sinh thêm 484.895.000 đồng. Tổng cộng tiền thực hiện theo hợp đồng 2.066.795.000 đồng và tiền phát sinh 484.895.000 đồng là 2.551.690.000 đồng, bà M đã thanh toán tổng số tiền là 2.200.000.000 đồng, còn lại số tiền là 351.690.000 đồng, sau khi đã trừ số tiền ông S thiếu bà M 28.150.000 đồng thì bà M còn nợ ông tổng số tiền 323.540.200 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết ông Đ không có đơn yêu cầu độc lập để yêu cầu bà M giao trả các khoản chi phí phát sinh, cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết yêu cầu này của ông Đ là đúng quy định pháp luật.

Căn cứ Điều 293 phạm vi xét xử phúc thẩm "Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị".

Do đó, cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét, ông Đ có quyền khởi kiện bà M đối với các khoản chi phí phát sinh ở vụ án khác theo pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của ông S, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2025/DS-ST ngày 06/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn S1 phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 289, khoản 1 Điều 308, Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Nguyễn Thanh S, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 88/2025/DSST ngày 06/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 244, 266, 271, 273, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 166, 185, 357, 542. 544, 545 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 138 Luật xây dựng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh S đối với bà Trần Kim M về việc yêu cầu bà Trần Kim M trả cho ông Nguyễn Thanh S số tiền 323.540.200 đồng (Ba trăm hai mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi nghìn hai trăm đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Trần Kim M đối với ông Nguyễn Thanh S về yêu cầu tuyên bố hợp đồng kinh tế số 01 ngày 08/8/2019 vô hiệu.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim M đối với ông Nguyễn Văn Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà Trần Kim M số tiền tạm ứng xây dựng công trình vượt quá số tiền ghi trong hợp đồng là 183.205.000 đồng (Một trăm tám mươi ba triệu, hai trăm lẻ năm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh S không phải chịu, ông Nguyễn Thanh S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 8.089.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0005943 ngày 04/12/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4) được hoàn lại đủ.

- Bà Trần Kim M không phải chịu án phí dân sự, bà Trần Kim M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 9.880.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0007885 ngày 07/3/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4) được hoàn lại đủ.

- Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 9.160.200 đồng (Chín triệu, một trăm sáu mươi nghìn hai trăm đồng), nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Cà Mau).

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh S phải chịu 300.000 đồng, ông Nguyễn Thanh S đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000274, ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng, ông Nguyễn Văn Đ đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000276 cùng ngày 26/6/2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Cà Mau) được chuyển thu án phí.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Toà phúc thẩm TANDTC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- TAND khu vực 4, tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn